

TẠI SAO GỌI LÀ CHÙA?

Nguyễn Xuân Quang

1. Chùa Là Gì?

Chùa là nơi thờ Phật. “Chùa nhiều chỗ giống tháp tại Ấn Độ nơi cất giữ xá li thường có nhiều tháp bao quanh... Chùa là nơi tiêu biểu cho Chân-như được nhân cách hóa bằng hình tượng một Đức Phật được thờ ngay giữa chùa. Nhiều chùa được thiết kế như một Man-đa-la, gồm một trục ở giữa với các vị Phật ở bốn phương. Cũng có nhiều chùa có nhiều tầng, đại diện cho Ba thế giới (tam giới), các cấp bậc tiêu biểu cho Thập địa của Bồ tát. Có nhiều chùa được xây tám mặt đại diện cho Pháp luân hoặc Bát chính đạo” (1).

Nguồn Gốc của Chùa.

Hiện nhiên nơi thờ phượng Phật giáo khắp thế giới hiện nay có nguồn gốc phát xuất từ Phật giáo Ấn Độ.

Như vậy ta hãy tìm hiểu nơi thờ Phật nguyên thủy từ Ấn Độ xem sao?

-Chùa Nguyên Thủy Phật Giáo ở Ấn Độ.

Như đã biết Phật giáo Ấn Độ có các cấu trúc liên hệ tới Phật giáo như sau: nơi thờ phượng (chaitya, temple) (tương đương với chùa), học viện (chỗ các tu sinh học Phật vihara, academy) và tu viện Phật giáo (chỗ các tu sĩ ở monastery) (Ấn Độ: Hang Động Phật giáo Ajanta).

Chỗ thờ phượng chaitya có nghĩa gốc là **hỏa táng** phiên âm qua Việt ngữ là trà-tỳ. Chaitya liên hệ với Phạn ngữ **chita** là **pyre** (lửa, đống hỏa táng) hay pile of ash (đống tro than). Chaitya là mộ, đống chôn tro than, di hài người chết, rồi về sau có nghĩa là *sanctuary* (nơi nương náu), *temple* (đền, chùa), “reminders” (vật gợi nhớ) hay “memorials” (tượng niệm, là những vật hay nơi dùng để tưởng nhớ người chết).

Chaitya có chai- ruột thịt với Việt ngữ cháy (có lửa có tro than).

Chaitya đẻ ra từ **caitya** có nghĩa là **đài, tháp** (stupa), trụ kim tự tháp. Thái Lan có tháp chedi (do chaity-, chety-, cety thành chedi) cho thấy rõ chaitya về sau thành tháp caitya, tháp chedi. Tháp nguyên thủy có chứa tro than người chết, liên hệ với chôn cất, mai táng.

Vì thế một chaitya đúng nghĩa thường phải có tháp. Thấy một kiến trúc thờ phượng có tháp thì đó là một chaitya.

Trước thời Phật giáo chaitya, caitya là tên gọi các điện hay nơi thiêng liêng của một vị thần linh, thánh thần nào đó.

Tới thời Phật giáo, chaitya, caitya trở thành tháp (stupa), trụ kim tự tháp Phật. Phạm ngữ stupa, Pali thupa để ra Việt ngữ tháp, Lào thâat, Hán Việt ta, Đại Hàn t'ap, Nhật Bản to, Anh ngữ tower...

Tháp Phật nguyên thủy có chứa tro than xá lợi di hài, di vật Đức Phật và bảo vật Phật giáo (như kinh Phật).

Tháp Thờ Phượng.

Khi con người có niềm tin, tín ngưỡng, lúc đó tin hay mong hồn người chết trở về cõi nguồn. Trong thần giáo là trở về với thần linh sinh tạo liên hệ với nỡ nường. Trong vũ trụ giáo trở về hư không, vũ trụ, tạo hóa. Trong các tín ngưỡng khác trở về với thượng đế, giáo chủ. Lúc đó tro than hỏa táng người chết được chôn trong đất đắp cao lên thành mô: thành mồ, thành mộ, thành mả. Mô cao thành gò đồng: Việt Nam có gò Đống Đa, Đống Lã, Đống Anh, Đống Hoa, thổ dân Mỹ châu có các Tộc Xây Đắp Đống Thờ (Mound Builder)... Mô hình trứng vũ trụ và đồng hình vòm vũ trụ, hình dạ con vũ trụ, hồn người chết trở về dạ con vũ trụ, trứng vũ trụ để được tái sinh hay sinh vào cõi vĩnh hằng.

Đồng là nguyên dạng của tháp. Tháp ruột thịt với Việt ngữ đắp (cao). Tháp mang hình ảnh núi vũ trụ có trục thế giới thông thương ba cõi, quan trọng nhất dùng làm đường lên thượng thế của hồn người chết.

Tháp đã có nguồn gốc từ xa xưa trước Phật giáo cả ngàn năm. Trong vũ trụ giáo tháp mang trọn vẹn ý nghĩa vũ trụ tạo sinh.

Về sau tháp vũ trụ của vũ trụ giáo được dùng trong Phật giáo. Tháp Phật là di duệ của tháp vũ trụ của vũ trụ giáo mang trọn vẹn ý nghĩa của vũ trụ tạo sinh đã được tu sửa lại theo giáo lý Phật giáo (xem Ý Nghĩa Tháp Chùa).

Tóm lại trong Phật giáo chaitya có nghĩa gốc là chỗ thờ tro than và xá lợi Phật chôn trong các gò đồng, đài, tháp stupa. Về sau tháp trở thành một kiến trúc thờ phượng thiêng liêng thành chùa, đền Phật giáo.

- Chùa tháp.

Như vậy tháp Phật là tiền thân của chùa.

Kiểm chứng lại ta cũng thấy: Sri Lanka ngữ dagoba là tháp Phật. Tháp dagoba để ra Pháp ngữ pagode và Anh ngữ pagoda là chùa. Có các chùa là những tháp như Chùa Tháp Tự Toji, Kyoto, Nhật Bản, Chùa Đại Nhân Tháp, Trung Quốc, Chùa Tháp Phổ Minh Việt Nam.

Các chùa hình kim tự tháp, núi tháp vũ trụ như Chùa Đại Bồ Đề ở Bồ Đề Đạo Tràng, Giác Thành Ấn Độ, chùa Borobudur, Nam Dương...

Ở Phật giáo nguyên thủy (tên cũ tiểu thừa) tháp là chùa hay là khuôn mặt chính yếu của chùa chiền. Ví dụ như thấy ở các chùa ở Tích Lan, Myanmar, Thái Lan, Campuchia. Thái Lan được gọi là Xứ Chùa Tháp.

Trong Phật giáo tháp được cho là mang hình ảnh núi vũ trụ, là núi Tu Di, là núi trung tâm thế giới của vũ trụ học, vũ trụ quan của Phật giáo (central world-mountain in Buddhist cosmology).

Chùa là hậu thân của tháp Phật. Tháp Phật là hậu duệ của tháp vũ trụ giáo. Do đó từ nội dung tới hình thức chùa diễn đạt theo vũ trụ thuyết của vũ trụ giáo nhưng được biến đổi đi theo giáo lý Phật giáo.

Ta có thể thấy rõ điểm này bằng cách đối chiếu qua vài điểm trong định nghĩa của chùa đã nói ở trên. Ví dụ:

-*‘Chùa nhiều chỗ giống tháp tại Ấn Độ nơi cất giữ xá li’*: Rõ ràng chùa là di duệ của tháp vũ trụ giáo thấy trong Ấn giáo.

-*‘Chùa là nơi tiêu biểu cho Chân-như’*: Chân-như, tính Không có một khuôn mặt tương đương với hư không, hư vô của vũ trụ giáo, dịch học.

-*‘Chân như được nhân cách hóa bằng hình tượng một Đức Phật được thờ ngay giữa chùa’*: Tượng Phật đặt ở giữa chùa là ở tâm tháp vũ trụ, là ở tâm vũ trụ.

-*‘Chùa được thiết kế theo mạn-đà-la gồm một trục ở giữa với các vị Phật ở bốn phương’*: Mandala nhìn chung chung là các đồ hình thể hiện một dạng thức hình học của vũ trụ. Nhiều mandala diễn tả Núi Vũ Trụ trên mặt bằng. Nói một cách khác là mandala diễn tả vũ trụ tạo sinh của vũ trụ giáo, dịch học. Mandala có trục ở giữa để tượng Phật chính ở tâm trục với các vị Phật ở bốn phương hiển nhiên diễn đạt chùa có mô hình núi vũ trụ, núi Tu Di Meru hình bóng của núi vũ trụ trong vũ trụ giáo.

-*‘Cũng có nhiều chùa có nhiều tầng, đại diện cho Ba thế giới (tam giới)’*: Ba thế giới là *tam thế* biểu tượng bằng cây vũ trụ (cây tam thế, cây đời sống) trong vũ trụ giáo. Cây đa hay cây Bồ-đề trồng ở chùa có một khuôn mặt biểu tượng cây vũ trụ (cây tam thế, cây đời sống).

-*‘Có nhiều chùa được xây tám mặt đại diện cho Pháp luân hoặc Bát chính đạo’*: Tám mặt ứng với 8 tượng (tứ tượng dương và tứ tượng âm), 8 quái (bát quái), tám quẻ. Pháp luân có 8 cãm xe Bát Chánh Đạo ứng với tám tượng khi quay khởi động qui trình vũ trụ tạo sinh tạo ra muôn thế giới, muôn sinh...

Ta thấy rõ có sự tương đồng giữa giáo lý Phật giáo của chùa với vũ trụ thuyết của vũ trụ tạo sinh, vũ trụ giáo, dịch học. Với sự phụ giúp của vũ trụ thuyết của vũ trụ giáo, dịch học ta hiểu dễ dàng và dễ nhớ giáo lý Phật giáo hơn.(2).

Nguồn Gốc Từ Chùa Chiền

Chùa chiền chỉ chung về những cấu trúc thờ phượng Phật giáo.

Như thế ta thấy rõ tất cả các từ chỉ nơi thờ phượng Phật giáo của thế giới, nhất là vùng Đông Nam Á đều có nguồn gốc phát ra từ Phạn ngữ chaitya dùng trong Phật giáo Từ chùa chiền Việt ngữ bắt buộc phải có gốc từ Phạn ngữ chai (chaitya). Chùa sinh ra từ chai theo hai ngã: 1. qua Hán ngữ hay 2. qua trực tiếp tức chùa chiền là chữ nôm thuần Việt liên hệ trực tiếp với Phạn ngữ.

1. Từ Chùa Do Hán Ngữ Sinh Ra?

Chùa chiền trong thực tế cũng được gọi bằng cả chữ thánh hiền qua Hán-Việt như Tự, Già-lam, Sát.

+ Trước hết là Tự (寺): ví dụ như Trấn Quốc Tự, Phúc Quang Tự, Linh Sơn Tự... Nhưng trong ngôn ngữ Trung Quốc cổ đại thì nghĩa của Tự không phải là chùa. Từ Tự đã có trước khi Phật giáo vào Trung Quốc. Tự vốn là từ để chỉ cơ quan làm việc cụ thể của bộ máy chính quyền phong kiến. Hán Minh Đế Lưu Trang (25-75) là vị vua đầu tiên thừa nhận địa vị của Phật giáo ở Trung Quốc. Tương truyền nhà vua nằm mộng thấy “người vàng” bay qua sân điện, bèn sai sứ giả 12 người do Lang Trung Thái Âm dẫn đầu sang Tây Trúc cầu tìm đạo Phật. Đó là sự kiện năm Vĩnh Bình 7 (64).

Ba năm sau (67), sứ giả về với hai tăng nhân người Ấn Độ cùng rất nhiều kinh sách và tượng Phật được thờ trên lưng ngựa trắng. Lúc các tăng nhân cùng kinh, tượng về đến kinh đô, triều đình chưa chuẩn bị kịp chỗ ở riêng nên cho ở tạm trong Hồng lô tự.

Sau đó nhà vua mới cho xây dựng khu nhà mà chúng ta gọi là chùa để thờ Phật và các tăng nhân tu tập. Kiến trúc xây dựng theo kiểu mẫu dinh thự của quý tộc đương thời.

Sau đó chùa được xây dựng ngày càng nhiều cũng theo kiểu mẫu nhà ở của địa phương. Chính vì vậy mà chùa ở Trung Quốc và cả ở Việt Nam khi tiếp nhận Phật theo hướng Trung Quốc có kiểu chùa rất riêng, không theo quy chuẩn mái cong tháp nhọn như nơi Phật giáo phát nguyên (3).

Như thế tự là một từ Hán ngữ thuần Hán.

+ Già lam (伽藍) cũng là tên gọi của ngôi chùa. Già lam là tên gọi tắt của Tăng già lam ma (Sangharama). Tăng già là một nhóm tăng nhân đi Hoằng pháp. Tăng già lam ma 僧伽藍: là nơi ở của các tăng nhân để tu hành, sau chỉ chung kiến trúc ngôi chùa.

Cũng có chùa nhỏ (tiểu tự) không có Tăng Ni mà có một người giữ chùa (Thủ tự, ông Tự) để dâng hương, thắp đèn lễ cúng, gọi là Già-lam.

Như vậy, Già-lam ở đây nghĩa như Tự. Nhưng theo tài liệu bằng chữ Hán của Tuần phủ Hà Nam-hiệp biện đại học sĩ Mai Viên Đoàn Triễn (1854- 1919) trong “An Nam phong tục sách” thì Già-lam chỉ là chùa nhỏ (3).

+ Có Gốc Từ Phạn ngữ.

Chùa Trung Quốc hiển nhiên cũng có gốc từ Phạn ngữ, Pali ngữ. Chắc chắn các nhà sư Trung Quốc như Pháp Hiền, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh đã phiên âm hay dịch nghĩa các từ thờ phượng Phật giáo bằng Phạn ngữ sang Hán ngữ.

Từ Hán Việt cổ gọi chùa là Sát 刹 như Cổ Sát là chùa cổ. “*Từ này phiên âm tiếng Phạn là sát sát, gọi tắt là sát. Cái cột phan. Người tu được một phép, dựng cái phan để nêu cho kẻ xa biết gọi là sát can 刹干. Ví thế cái tháp của Phật cũng gọi là sát. Bây giờ thường gọi chùa là sát. Như cổ sát 古刹 là chùa cổ*” (4).

Phạn ngữ क्षेत्र (kṣetra, “land; place of pilgrimage”) (刹多羅): đất, chỗ hành hương.

Tóm lại

Ba từ Hán Việt chỉ nơi liên hệ với Đức Phật là:

- Tự:

Tự là một từ Hán ngữ thuần Hán vốn chỉ một cơ sở hành chính sau dùng chỉ nơi thờ phượng Phật giáo.

-Già Lam:

Già-lam là từ phiên âm Phạn ngữ Sangharama, shanga = tăng già. Đây là từ chỉ học viện (vihara) hay tu viện (monasty). Khác với chaitya nơi thờ Phật hay chùa.

- Sát:

Từ sát gốc Phạn có một nghĩa là tháp. Từ này với nghĩa tháp có thể chỉ một tháp thờ phượng chung của nhiều tín ngưỡng vì như đã biết tháp có trước thời Đức Phật. Còn nếu là tháp Phật thì đây là một thứ chùa tháp.

Tuy nhiên sát là một cổ ngữ, không được dùng phổ thông trong Hán ngữ. Tự là từ phổ thông nhất thấy rõ qua Nhật Bản lấy từ Tự gọi là ji rất nhiều như Toji: Tháp Tự.

Theo Phạn ngữ kṣetra có nghĩa không chỉ riêng chùa mà chỉ nơi hành hương tổng quát và không biến âm ruột thịt với Việt ngữ chùa.

Các từ này khác biệt với từ chùa thuần Việt.

2. Chùa Là Một Từ Nôm Thuần Việt.

Như vậy chùa không dính dáng gì với Hán Việt Tự thuần Hán và Già Lam gốc Phạn ngữ Shangarama. Còn từ sát có nghĩa là tháp chỉ có thể là bà con xa với chùa vì cùng có gốc Phạn ngữ và gốc nghĩa tháp nhưng không có biến âm mẹ con cùng âm, cùng vần với chùa, chai, chaitya.

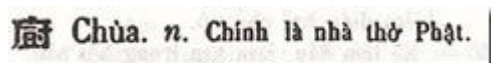
Chùa phải là một từ nôm thuần Việt.

*Chùa

Ta thấy ngay:

-Chữ Hán-Nôm chùa.

Chùa viết theo **chữ Hán-Nôm**



(n. = chữ nôm) (Paulus Của, Đại Nam Quốc Âm Tự Vị). Chùa mượn âm **trù** 廚. Hán ngữ trừ là bếp (có lửa, tro than, cháy) (thiên trừ: bếp trời). Rõ như dưới ánh sáng mặt trời chùa liên hệ với lửa, đốt, thiêu. Hiển nhiên chùa liên hệ với chaitya, chai, nơi thờ tự như chùa có gốc nghĩa là hỏa táng (cũng có lửa, tro than).

Như vậy chùa = trừ = trà (tea) = chà (chè, tea) = chai (Ấn ngữ tea) = chai (nói gọn lại của chaitya). Ta có **chùa/trừ = chai, nơi thờ Phật**.

– **Chùa** biến âm mẹ con với **chai** cũng xác thực bằng biến âm ua = ai như thấy qua biến âm kiểu: bừa bãi, cửa cải, đưa đãi, mua mãi (Hán Việt mãi là mua), thừa thãi... ta có chùa = chai.

– **Chùa** biến âm mẹ con với **cháy**. Theo ua = ay như thấy qua những từ đôi đồng nghĩa *múa may* (múa = may: Thái ngữ muay là múa võ; máy là cử động như thai máy); *đưa đẩy* (đưa = đẩy); *cua cáy* (cua = cáy)... ta có chùa = cháy.

Theo ay = ai như Yên Bái = Yên Bái, Mống Cáy = Mống Cái, mảy = mài (vẩy: vẩy ghè, vẩy che miệng ốc), ta có cháy = chai.

Như vậy chùa = chai = cháy = chai (chaitya).

- **Chùa** biến âm mẹ con với **chay** (ở chùa phải ăn chay). Theo ua = ay như ở trên ta có chùa = chay.

Ta cũng có chay = Hán Việt **trai**: 齋: 1. Ăn chay, anh rau dưa, 2. Cơm của sư ăn gọi là *trai*, 3. thết cơm sư ăn cũng gọi là *trai* (4).

Theo ch = tr (như chà = trà, chém = trảm, chứa = trữ), ta có chay = Hán Việt trai.

Như vậy ta có **chùa** = chay = **trai** = chai (chaitya).

Ta cũng thấy trà (tea) = chai (tea) qua Hán Việt *trà tỳ* có nghĩa là hỏa táng là phiên âm của chaitya.

Ta có chùa = trà (tỳ) = chai (chaitya) (5).

-Mon ngữ **chaik** (6) **chùa** có chai- = chai, chaitya. Việt ngữ thuộc tộc ngữ Mon Khmer nên chaik xác thực chùa = chaik = chai, chaitya.

-Burma ngữ **chu ù** là chùa (6).

Ta có chu ù (u dài) = chù = trù (bếp lửa) = chai, chaitya = chùa.

-Temang **juù**: chùa (6).

Theo j = ch như Java = Chà-và, ta có juù (u dài) = chù = trù = trù (bếp lửa) = chai, chaitya = chùa.

Rõ như hai năm là mười chùa biến âm mẹ con với chai, chaitya.

*Chiền

(tiếng nôm).

Ta có từ đôi đồng nghĩa *chùa chiền* → chùa = chiền.

– Chiền biến âm mẹ con với **chiên**: ram, rán với mỡ, dầu: cơm chiên, hiển nhiên liên hệ với lửa, bếp lửa.

Ta cũng thấy chiền liên hệ với Phạn ngữ **chita** là **pyre** (lửa, đống hỏa táng) hay pile of ash (đống tro than) tức liên hệ với chai, chaitya.

– Cổ ngữ Mon p-chiền là chùa (6).

– Chiền biến âm với Thái ngữ chedi, cheti, tháp chùa, với cety, caity, chaitya với chùa.

.....

Kết Luận

Chùa là một từ nôm thuần Việt (giống như từ Bụt là từ nôm thuần Việt khác với từ Hán Việt Phật).

Chùa biến âm mẹ con với Phạn ngữ chai, chaitya có gốc nghĩa là hỏa táng, mô, mồ, mộ, đồng, tháp chôn tro than hỏa táng rồi thành tháp, tháp vũ trụ, tháp Phật, ngày nay thành nơi thờ Phật, tụng niệm, tĩnh tâm và thiền định.

Chùa là chai, chaitya hậu thân của tháp Phật. Tháp Phật là hậu duệ của tháp vũ trụ giáo. Chùa mang trọn vẹn ý nghĩa của tháp Phật dựa theo vũ trụ thuyết của vũ trụ giáo. Từ nội dung tới hình thức chùa diễn đạt theo vũ trụ thuyết của vũ trụ giáo nhưng được biến đổi đi theo giáo lý Phật giáo. Sẽ khai triển rõ thêm trong bài Ý Nghĩa Một Ngôi Chùa.

—————

Ghi chú

(1). Từ Điển Phật Học, ban biên soạn Đào Uyển, Công Ty Sách Thời Đại & Nxb Tôn Giáo, 2006.

(2). Đức Phật chấp nhận nhiều điều đã có trong các tín ngưỡng trước thời Đức Phật hàng ngàn năm, trong đó có vũ trụ thuyết của vũ trụ giáo, dịch học. Chấp nhận trực tiếp hay qua Ấn giáo rồi Đức Phật nhấn mạnh, khai triển, sửa đổi đi dùng vào giáo lý của mình. Vì thế có nhiều quan niệm, danh từ và ngay cả lễ nghi Phật giáo thấy giống trong Vệ-đà, Ấn giáo, Ching Phục giáo (Jainism) (Kỳ-na-giáo)... Ví dụ như vô thường chính là ‘chuyển dịch’, biến đổi không ngừng của Dịch học, *nhân quả* là luật vũ trụ, *luân hồi* là chu kỳ vũ trụ tạo sinh, *tứ đại* (lửa, nước, gió, đất) chính là tứ tượng, tứ hành, Bốn Nguyên Sinh Động Lực Chính (Four Great Primary Forces) của vũ trụ tạo sinh, vũ trụ giáo, vân vân...

Muốn quán triệt giáo lý Phật giáo phải nhìn thêm dưới lăng kính vũ trụ giáo, dịch học. Tôi dùng vũ trụ giáo, dịch học làm phương tiện học Phật.

(3). Bùi Hiền, Cát nghĩa các tên gọi khác của chùa,

<https://kienthuc.net.vn/thien/cat-nghia-cac-ten-goi-khac-cua-chua-143226.html>

(4). Thiều Chửu Hán Việt Từ Điển.

(5). Ở đây ta thấy khi thì dùng ch, khi thì dùng tr tùy theo âm của gốc chữ. Ch là âm cổ, người Việt cổ sống ở vùng sông nước làm ruộng nước, làm nông nghiệp nên nói nhiều âm mang âm tính. Trong khi âm tr là âm muộn trong Việt ngữ mang dương tính. Người Trung Quốc võ biên dùng nhiều âm mang dương tính. Vì thế nếu âm ch chuyển qua Hán Việt thường trở thành âm tr. Ví dụ như thấy qua: âm Việt ch như chà (chè), chém, chứa, chay chuyển qua Hán Việt thành trà, trảm, trử, trai. Nếu dựa theo âm Ấn ngữ như chai (tea) thì ta dùng chà, chè còn dựa theo Hán Việt dùng trà. Trường hợp từ chaitya (hỏa táng) theo gốc Phạn ngữ ta phải dùng phiên âm là chà-tỳ thay vì trà-tỳ theo âm Hán Việt.

Trường hợp ch-tr này cũng giống như n và l. Âm Việt nỏ chuyển qua Hán Việt là lỗ (Cao Lỗ là ông tổ làm ra nỏ), Việt ngữ nọc (con cọc, con sùng, con hèo, con hươu: Bàu Cua Cá Cọc) chuyển qua Hán Việt là lộc; nhà nàng chuyển qua dương là nhà lang, nhà làng (đình: nhà đình con trai, đàn ông)...

Tổ tiên ta chưa học chữ Quốc ngữ nói theo âm mẹ đẻ và theo âm tiếp xúc với các tộc liên hệ nên khi nghiên cứu ngữ học Việt không có vấn đề phải dùng đúng theo ngữ pháp chữ Quốc ngữ hiện nay. Dùng ch-tr, n-l, s-x... theo âm gốc xuất xứ chứ không theo ngữ pháp hiện nay.

Nên nhớ khi tranh luận về ch-tr, n-l, s-x nên dựa vào âm gốc, dựa vào âm của ngôn ngữ từ đó sinh ra, từ đó nó tiếp xúc... Các hàn lâm sĩ của Hàn Lâm Viện Ngôn Ngữ Việt cũng phải nghĩ tới dựa vào âm mà quyết định ch hay tr, n hay l, s hay x...

(6). Nguyễn Hy Vọng, Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt./.

BS Nguyễn Xuân Quang

Nguồn: <https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/2023/09/01/tai-sao-goi-l-cha/>

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/nguyenxuanquang.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 8800 TÁC PHẨM